

## CHƯƠNG 52.

*Paris. “Thức đêm lai rai” để nghe ngóng lòng mình là một trong vài sở thích đặc biệt của tôi. Tại đây, trong căn phòng nhỏ không có lò sưởi, thời gian đã quá nửa đêm, tôi như tìm thấy cho mình một nỗi an bình thật sự. Cả một xã hội quay cuồng không còn vị trí. Và những lo toan phiền não trong suốt ngày dài phải lùi bước bên ngoài khoảng không gian chật hẹp của riêng tôi.*

*Cái bản chất “ngây thơ” trước cuộc đời vẫn không làm tôi lớn nổi. Tôi nghe sợ những va chạm tàn nhẫn hàng ngày. Sợ những thói thúc bức bách của một đời sống mà tôi không mấy may biết lấy gì chống đỡ cụ thể.*

*Tuy nhiên, lòng người là thứ làm cho tôi phải ngại ngùng trên hết. Trong một xã hội Tây Phương, cái gì cũng đầy đủ, nhưng tình cảm chân thành giữa con người với nhau, tôi khó lòng tìm thấy. Nên văn minh vật chất càng cao bao nhiêu, sự đòi hỏi tận diệt về tinh thần càng nhiều hơn gấp bội. Vượt trên nhiều hình thức liên hệ chỉ là sự đập đổ lường gạt nhau để tranh từng bước thăng. Và trong mọi mối giao hảo, điều cuối cùng vẫn chỉ đưa đến những giả trá, đồ kỹ để mong tìm lợi ích cho riêng cá nhân.*

*Giờ đây, một tình cảm thủy chung và chân thành – dù trên khía cạnh nào—cũng là điều vô cùng quý báu mà đâu có đốt đuốc đi giữa ban ngày cũng không tìm ra được. Cái thứ nào con người đặt giá trị đạo đức lên hàng đầu đã đi vào dĩ vãng xa xăm... Tôi sợ. Trong nỗi sợ còn pha thêm điều chán chường buồn bã. Chỉ những khi rút về căn phòng lạnh lẽo của mình, thời gian đã quá nửa đêm, tôi mới nghe an bình trở lại.*

*Đánh lừa chính mình để được thấy lòng thanh thản, tôi cũng cam tâm. Bởi, dù sao trong sự đánh lừa ấy, tôi cũng đã tìm ra một lối thoát cho nỗi suy sụp tinh thần mà tôi đang đứng cạnh bên mép bờ hiểm nguy của nó.*

□

### **Đầu tháng 5/1979. Lưu diễn Bình Trị Thiên, vùng cổ thành Quảng Trị.**

*\*/ Tỉnh Bình Trị Thiên là khoảng thứ ba của Miền Trung, gồm ba tỉnh cũ: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên gom chung lại. + Bắc giáp Nghệ Tĩnh, nam đến Quảng Nam-Đà Nẵng; tây là dãy Trường Sơn giáp nước Lào; đông là biển Nam Hải. + Chiều dọc tính từ đèo Ngang (dãy Hoàng Sơn) đến đèo Hải Vân là 303 km. + Chiều ngang ở khúc Quảng Bình là 90km; ở Quảng Trị là 81km.*

*\*/ Phía đông tỉnh là một dải đồng bằng hẹp. + Phía tây là rừng rú, đồi núi ở chân dãy Trường Sơn. + Dãy Trường Sơn ở đoạn này cao chỉ trên dưới 1.100m. Có một con đường đèo thông qua Lào.*

\*/ Suốt bờ biển ở phía bắc tỉnh có những "đụn" cát từ gió biển bốc lên mà thành. + Chỗ nào không có cây chắn gió thì cát cứ phủ dần lên ruộng thành những bãi cát, núi cát.

+ Bờ biển phía nam tỉnh từ huyện Phong Điền tới huyện Phú Lộc là một trảng "phá" dài 70 cây số, có chỗ rộng 10 km, thông ra biển bằng cửa Thuận An và cửa Tư Hiền.

\*/ Giữa "phá" và biển là một bãi cát dài, đông dân ở. + Từ huyện Phong Điền đến huyện Quảng Điền là *Phá Tam Giang*, còn gọi là Vụng Tây, hay có sóng dữ.

+ Trước kia đường bộ từ đây vào Huế phải đi bằng thuyền qua phá này nên đã có câu:

*"Thương anh em cũng muốn vô  
Sợ trướng nhà Hồ sợ phá Tam Giang."*

\*/ Truông nhà Hồ là một bãi cát dài 1km5 ở phía bắc Vĩnh Linh, hồi đầu đời nhà Nguyễn hay có cướp.

\*/ Từ Thuận An đến Phú Lộc là phá Hà Trung, rộng nhất. + Phần gần Thuận An còn được gọi là Vụng Đông. + Phần gần cửa biển Tư Hiền gọi là đầm Cầu Hai. + Các đụn cát và các phá là những cảnh đặc biệt của tỉnh Bình Trị Thiên. + Bờ biển dài 260 cây số.

\*/ Hải Vân là một đám núi lớn, kéo dài ra đến biển, có những đỉnh cao như Núi Mang cao 1.708m.

+ Chỗ giáp biển đường rất hiểm trở, phong cảnh hùng vĩ. Gần đây có núi Bạch Mã cao 1.444m.

\*/ Tỉnh Bình Trị Thiên có nhiều sông ngấn và chảy ra biển bằng những cửa rộng.

+ Từ Bắc vào, sau Đèo Ngang, có sông Gianh (Linh Giang) rất rộng;

+ Sông Nhật Lệ chảy qua thị xã Đồng Hới; ra cửa Nhật Lệ.

+ Vĩnh Linh có sông Bến Hải chảy ra cửa Tùng, con sông chia đôi đất nước kể từ tháng 7/1954.

+ Sông Thạch Hãn chảy qua thị xã Quảng Trị, đổ ra Cửa Việt.

+ Sông Hương chảy qua Huế có hai nguồn: Tả Trạch và Hữu Trạch. + Đất trời ở đây là một bức tranh đầy màu sắc: Cát trắng, biển xanh, sông trong màu ngọc, núi tím màu hoa cà.

\*/ TỈNH QUẢNG TRỊ:

+ Đời Gia Long đặt là "*tỉnh*". + Minh Mạng đổi làm "*trấn*", sau đổi lại là "*tỉnh*".

\*/ Thị xã Quảng Trị nằm ở bờ Nam sông Thạch Hãn, cách Huế 60 cây số, cách đông Hà 12km.

+ Trước 30/4/1975, đây mới chính là tỉnh lỵ của Tỉnh Quảng Trị.

+ Thị xã không nằm kề Quốc lộ mà phải rẽ vào một cây số theo con lộ chính (Trần Hưng Đạo). + Dọc đường Trần Hưng Đạo còn có một ngôi nhà hai tầng đầy vết đạn, nguyên là trường Bồ

Đề, căn nhà duy nhất còn lại của thành phố sau trận đánh Nam-Bắc mùa hè đỏ lửa 1972.

\*/ Khí hậu ở đây khắc nghiệt, mùa đông mưa dầm, mùa hè những cơn cát trắng xóa nắng như rang. + Ngọn gió Lào thay vì mang hơi mát, lại thổi thành một hơi nóng bỏng.

\*/ Cổ thành Quảng Trị: xây hồi triều Nguyễn với tường gạch cao 3m, dày 2m.

+ Trong 81 ngày của mùa hè đỏ lửa 1972, bom đạn đã đánh tan nát tòa thành cổ, cả hai phía CS và Quốc Gia đều mất hàng ngàn người trong vòng thành này. + Ngày nay các cổng thành, có cổng được phục chế, có cổng vẫn để nguyên hiện trạng loang lổ vết đạn. + Giữa tòa thành có một đài tưởng niệm các chiến sĩ trận vong.

\*/ Cầu Bến Hải: Còn gọi là cầu Hiền Lương nằm trên Quốc lộ 1 về phía bắc Đông Hà khoảng 20 cây số.

+ Theo hiệp định Genève 1954 thì dải đất rộng 10 cây số dọc sông Bến Hải là vùng Phi quân sự. Đến năm 1966, bom đạn hai miền Nam-Bắc bắt đầu trút xuống đây, cầu Bến Hải cũng từng bị đánh sập.

+ Sau tháng 4/1975, nhà nước CSVN đã cho xây một cây cầu bằng bê tông bắc qua sông Bến Hải, nhưng cây cầu cũ vẫn được phục chế lại nguyên trạng. Kế đó là một đài tưởng niệm lớn.

\*/ Đường Trường Sơn dài 275km đèo núi, rất vắng.

+ Đường tốt nhưng mùa mưa bão hay bị sạt lở.

+ Núi cao đến độ phải đục hầm (như hầm A Roành 1 dài 460m và hầm A Roành 2 dài 160m.) Hai hầm cách nhau 5 cây số.

+ Đoạn từ A Lưới đến cầu Dakrông trước kia còn được gọi là đường Cuba vì đã được san ủi, rải nhựa ngay từ năm 1974 với sự giúp đỡ về phương tiện xe cộ từ Cuba đưa sang.

\*/ Quảng Bình quan: là một công thành được xây vào thời nhà Nguyễn.

+ Trong cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, công thành này là yết hầu của con đường Bắc-Nam, một phần của lũy Trấn Ninh (còn gọi là Lũy Thầy) dựng vào thế kỷ 17 theo thiết kế của Đào Duy Từ (1572-1634) thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. + Lũy Thầy dài 18km chặn từ núi ra biển; cứ 20m lại đặt một cỗ đại bác lớn; 4m lại đặt một đại bác nhỏ.

\*/ Đèo Ngang: cách thị xã Đồng Hới 65km, vượt dãy Hoàng Sơn, hiện nay là ranh giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh. + Trên đỉnh đèo, từ quốc lộ 1 lên con dốc cao 100m còn có Hoàng Sơn Quan, một công thành xây bằng gạch từ năm Quý Tỵ (1833) (*Minh Mạng 14*).

\*/ QUA ĐÈO NGANG:

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà*

*Cỏ cây chen lá, đá chen hoa*

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

*Dừng chân đứng lại, trời non nước*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta*

+ là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan (1805-1848).

+ Bà tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người phường Nghi Tâm, huyện Vĩnh Thuận, gần Hồ Tây, Hà Nội. + Thân phụ là Nguyễn Lý (1755-1837) đỗ đầu khoa thi Hương năm Quý Mão (1783) đời vua Lê Hiển Tông.

+ Bà là học trò của danh sĩ Phạm Quý Thích (1760-1825) + Và là vợ của Lưu Nghị (1804-1847), người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội).

\*/ Ông Lưu Nghị đỗ Cử nhân năm Tân Tỵ (1821) (*Minh Mạng thứ 2*), từng làm tri huyện Thanh Quan (nay là huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, nên người ta thường gọi bà là *Bà Huyện Thanh Quan*). + Chồng bà làm quan trải đến chức Bát phẩm Thứ lại Bộ Hình nhưng mất sớm (43 tuổi). + Dưới thời vua Minh Mạng, bà được vời vào kinh giữ chức Cung Trung Giáo Tập để dạy học cho các công chúa và cung phi. + Khoảng một tháng sau khi chồng mất, bà lấy cớ sức yếu xin thôi việc, rồi dẫn bốn con về lại Nghi Tâm và ở vậy cho đến hết đời. + Không biết rõ chính xác về thời gian sống của bà nhưng theo nhiều tư liệu ghi chú là bà sinh năm 1805 và mất năm 1848 ở tuổi 43. + Phần mộ bà được đặt bên bờ Hồ Tây (Hà Nội) nhưng sau này sóng gió đã làm sạt lở không còn tăm tích.

\*/ Sau tháng 4/1975 (VNCS), ba tỉnh riêng biệt Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên được gom chung lại, gọi là tỉnh Bình Trị Thiên, gồm một thành phố tỉnh lỵ là Huế; hai thị xã (*Đông Hà và Đông Hới*). Cùng 11 huyện (*Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh, Bến Hải, Hướng Hóa, A Lưới, Triệu Hải, Hương Điền, Hương Phú và Phú Lộc*.)

\*

\*\*

Thuở xưa, ngôi nhà của gia đình tôi nằm cạnh một quán ăn. Một tối, có những người lính Nhảy Dù đến đây nhậu nhẹt, rồi sinh ồn ã, làm huyên náo cả xóm. Nấp kín vào sau cửa, tôi nghe tiếng ly tách rơi loảng xoảng, tiếng súng bắn lên trời, rồi lại tiếng la lớn bằng giọng miền Trung nặng chịch của một người lính Nhảy Dù sau cơn ẩu đả: “*Thằng này là dân Quảng Trị, gặp Việt Cộng là giết, xong cắt tai nhai rau ráu, mổ bụng lấy gan ăn liền!*” Con phần nộ của người lính Nhảy Dù say rượu ấy đã đi luôn vào tiềm thức tôi những niềm sợ hãi. Khi ấy, tôi nhớ rằng chỉ mới độ mười hai...

Tháng 6/1967, trời Sài Gòn gió mưa tầm tã. Một buổi chiều, giờ những trang nhật báo như lệ thường mỗi buổi, tôi thốt lặng người đầu đón khi đọc nơi trang 4 một cột phân ưu những giòng thể này: “*Trung úy Thuận Văn Chàng, trung đội trưởng trung đội... Tiểu đoàn 9 Nhảy Dù đã hy sinh vì tổ quốc vào đêm 27/5/1967 tại chiến trường Khe Sanh, Quảng Trị. Toàn thể gia đình sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ tiểu đoàn 9 Nhảy Dù xin chia buồn cùng gia đình Trung Úy Chàng và cầu chúc linh hồn người bạn chiến đấu được phiêu diêu nơi miền cực lạc.*”

Trung úy Thuận Văn Chàng là người bạn gốc Chiêm Thành, rất thân với người anh lớn của tôi.

Tháng 1/1973, tôi được dịp theo ban đại hòa tấu trường Nhạc Sài Gòn ra Huế biểu diễn. Trong chương trình, có một đêm dành để vinh danh công lao các chiến sĩ đang đồn trú tại Quảng Trị sau cuộc tái chiếm cố thành Đỉnh Công Tráng tháng 9/1972. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã nhìn thấy nhiều đến không biết cơ man nào mà kể các bộ áo hoa rừng với màu mũ đỏ. Một thứ xúc động mạnh mẽ đột nhiên vây chụp tâm tư khi đặt chân lên vùng đất đã diễn ra những trận giao tranh đầy máu lửa. Và cũng có một nỗi ngưỡng mộ lớn dậy trong tim khi ngồi trên sân khấu nhìn xuống cả một rừng chiến sĩ của một trong những binh chủng lẫy lừng nhất Quân Lực Miền Nam Việt Nam.

Trong phần khoản đãi phái đoàn biểu diễn sau đó, mỗi người trong đám chúng tôi được một hay hai vị sĩ quan Dù đến xã giao trò chuyện. Người tiếp xúc với tôi là một Thiếu tá độ ngoài ba mươi tuổi, dáng gầy gầy nhưng nét mặt trông thật nhiều nghị lực. Khi hỏi về thân thế nhau, anh cho biết vẫn còn độc thân. Điều này làm tôi ngạc nhiên. Anh giải thích: *“Bọn chúng tôi đa số không đưa nào dám lấy vợ. Cuộc chiến này không biết sẽ còn kéo dài đến bao lâu? Những người lính trận như chúng tôi mỗi lần ra giới tuyến đều không dám mơ đến ngày trở lại. Lấy vợ, chỉ làm đau đớn cho họ vì sự chết sống bấp bênh của mình, trong khi đã có biết bao người thân ruột thịt vì mình mà đau đớn.”*

Khi ấy, độ 10 giờ tối. Tháng Giêng gần Tết, núi đồi Quảng Trị lạnh căm buốt giá. Tôi nhìn vị Thiếu tá mà hình dung rất nhanh đến người lính Nhảy Dù dừ dừ đã được nhìn thấy khi mười hai tuổi. Lại cũng nghĩ đến khuôn mặt cương nghị của người thanh niên Chăm tôi đã âm thầm tưởng nhớ vào năm mười tám. Có cái gì là lạ trong cảm nghĩ khi nhận ra thêm *một bộ mặt khác* của người lính Nhảy Dù vào sinh ra tử. Những con người tuổi trẻ phải hy sinh mọi tình cảm thuần túy nhất của mình cho một thứ chiến tranh quái ác kéo dài suốt bao nhiêu năm.

.. ..

Đầu tháng 5/1980, lần thứ hai tôi có dịp trở ra Quảng Trị. Đoàn dựng rạp ngay tại cố thành Đỉnh Công Tráng.

Buổi chiều chưa hát, tôi đứng sau tấm màn sân khấu lộ thiên nhìn bao quát ra giàn đất trồng có những băng ghế dài xếp hàng song song, tro troi. Trong trái tim dậy lên một mối buồn sầu. Tôi nghĩ miên man đến buổi chiều của năm 1973 xa lắc..., một buổi chiều như bao buổi chiều khác nhưng đã mở ra trong tâm hồn tôi những xúc cảm khó quên.

Thời gian qua mau, cảnh đời tang thương dâu bể. Chỉ mới vài năm mà cả một thế cuộc đổi thay tàn khốc. Nước Việt Nam Cộng Hòa bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Những binh chủng thiện chiến oai hùng nhất của Quân Lực Miền Nam tự do cũng bị xóa tên luôn!

Những ngày hát Quảng Trị, hình ảnh những người lính kiêu hùng năm cũ cứ chập chờn làm cho đầu óc tôi không yên ổn. Từ anh lính Nhảy

Dù say rượu cho đến người sĩ quan Dù bạn rất thân với người anh lớn. Từ cả một rừng chiến sĩ mũ đỏ đã qua một lần chúng tôi được dịp đến trình tấu để vinh danh chiến tích của họ vào một buổi chiều đầu Xuân lạnh giá, cho đến vị Thiếu tá (tôi chẳng nhớ tên) đã đến chuyện trò cùng tôi suốt buổi tối liên hoan tháng 1/1973. Tất cả những con người này (trừ ra vị sĩ quan Chàm) tôi đều chỉ gặp trong đời một lần duy nhất. Vậy mà cơ hồ như hình bóng họ thật thân thiết với tôi trong buổi chiều đứng trên sân khấu nhìn ra vùng núi đồi đẫm máu năm xưa.

Thời gian trôi như nước sông Thạch Hãn đổ ra biển. Những trận chiến kinh hoàng rồi chỉ còn là kỷ niệm đau thương trong lòng người dân Việt phía bên này và cả phía bên kia. Nhưng các chiến sĩ Nhảy Dù đã hơn một lần tôi gặp mặt, bây giờ họ ở đâu, những người còn sống? Và những người đã chết, hồn thiêng họ liệu có còn vương vất nơi đây?

□